TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 30 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 06/11/2018, V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Đỗ Văn Nghiêm***
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông ***Trần Văn Huy***
2. Ông ***Nguyễn Đức Thành***

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Sơn Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án HN&GĐ thụ lý số: 344/2018/TLST-HN&GĐ ngày 06 tháng 09 năm 2018, về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1983; cư trú tại: Xóm A, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt có lí do

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1978; cư trú tại: Đội B, thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; hiện đang thụ án tại Trại giam số X, xã D, huyện K, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/08/2018 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án của chị Lương Thị H như sau:

Về tình cảm: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Hữu C trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, thành phố Hà Nội vào ngày 11/4/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng ở Thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội được khoảng 01 tháng thì chuyển về ở cùng gia đình nhà vợ ở Xóm A, xã T, huyện H, Thanh Hóa. Sau khi kết hôn tôi phát hiện anh C nghiện ma túy, tôi khuyên anh C từ bỏ ma túy nhưng không được, vì vậy vợ chồng thường xảy ra va chạm xô xát, trong khi cãi vã thì anh C cũng có đánh đập tôi. Từ khoảng tháng 10/2004 cho đến nay anh C bỏ nhà theo bạn bè không quan tâm gì đến gia đình vợ con, đồng thời cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Cho đến gần đây tôi làm đơn xin ly hôn anh C được biết anh Cư hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam số X, xã D, huyện K, tỉnh Nghệ An về tội "Trộm

cấp tài sản". Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên tôi xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 05/03/2004. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Tôi không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. cháu L từ khi sinh ra cho đến khi học lớp 2 cháu vẫn ở cùng với mẹ và gia đình ngoại ở Thanh Hóa. Đến khi cháu lên lớp 3 thì bà nội đón cháu về xã H, huyện T, Hà Nội sinh sống mặc dù tôi không mong muốn. Trong thời gian cháu L ở cùng bà nội tôi vẫn gửi tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà nội với số tiền khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Khi biết tôi xin ly hôn, cháu L cũng có nguyện vọng được ở cùng với tôi. Hiện tại tôi bán hàng hoa quả thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Mẹ đẻ tôi là bà Lê Thị T đồng ý cho hai mẹ con tôi ở cùng sau khi ly hôn. Tôi cam đoan mình có đủ điều kiện về chỗ ở, kinh tế và thời gian để quan tâm, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L. Tuy nhiên, hiện cháu L đang ở cùng bà nội và học tập ở Hà Nội. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu và đảm bảo việc học tập cho cháu, về mặt pháp luật tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L nhưng tôi tiếp tục gửi cháu cho bà nội ở xã H, huyện T, Hà Nội để cháu học hết cấp 3 ở Hà Nội, đồng thời hàng tháng tôi vẫn gửi tiền cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng để bà nội nuôi cháu ăn học.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chúng tôi xác nhận không có công nợ chung. Nếu sau khi ly hôn có người nào yêu cầu giải quyết về công nợ chung của chúng tôi thì chúng tôi tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm, tôi đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

***Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án của anh Nguyễn Hữu C thể hiện như sau*:**

Tôi kết hôn với chị Lương Thị H trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, thành phố Hà Nội vào ngày 11/4/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Nay chị H xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn với chị Lương Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 05/03/2004. Hiện nay anh C đang thụ án tại Trại giam số X, xã D, huyện K, tỉnh Nghệ An còn 10 tháng nữa là thụ án xong. Anh C có nguyện vọng, sau khi ly hôn anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền nuôi con.

***Về tài sản chung, nhà đất chung*:** Chị Lương Thị H và anh Nguyễn Hữu C khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Lương Thị H và anh Nguyễn Hữu C khẳng định vợ chồng không có công nợ chung. Nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay mượn thì chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật,

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì tham gia phiên toà xác định:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định, như: Điều tra, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H. Cho chị H được ly hôn anh C. Hiện nay anh C đang thụ án tại trại giam số X không có điều kiện nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử giao quyền nuôi con chung cho chị H, anh C quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được năn cản. Về tài sản anh chị không yêu cầu xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; ý kiến quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

1. ***Về tố tụng:*** Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, 7 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu C và chị Lương Thị H đã trình bầy quan điểm giải quyết vụ án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định của pháp luật [1].

2. ***Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:***

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là anh C nghiện ngập ma túy và luôn phải đi cai nghiện và đi thụ hình, vợ chồng đã ly thân từ từ năm 2004 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương và Phòng lao động thương binh và xã hội có ý kiến: Về mâu thuẫn vợ chồng là do anh C phạm tội và chấp hành hình phạt tù tại Trại giam. Về con chung sau ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào ý kiến của con và điều kiện của các bên để giao con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa chị H và anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh C là có cơ sở, nên Hội đòng xét xử chấp thuận đơn ly hôn của chị H và áp dụng

điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H ly hôn với anh C là có căn cứ [2].

3. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 05/03/2004. Hiện nay anh C đang thụ án tại Trại giam số X, xã D, huyện K, tỉnh Nghệ An không có điều kiện nuôi con chung. Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Bích L cho chị Lương Thị H nuôi dưỡng giáo dục con chung. Sau khi anh cường thụ án xong nếu có điều kiện và nguyện vọng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật. [3].

4.*Về tài sản chung*: Chị Lương Thị H và anh Nguyễn Hữu C khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết [4]..

Về công nợ: Chị Lương Thị H và anh Nguyễn Hữu C khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật [5].

5. *Về án phí:* Căn cứ pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì chị Lương Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm [6].

6. *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xét xử [7].

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Lương Thị H đối với anh Nguyễn Hữu C. Chị H được ly hôn anh C.

2. Về con chung: Chị Lương Thị H được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 05/03/2004 đến khi có yêu cầu khác. Tạm miễn đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung cho anh C đến khi có yêu cầu khác. Anh C được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: anh chị khẳng định vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay. Nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật

5. Về án phí: Chị Lương Thị H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008207 ngày 06/09/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- *TANDTP Hà Nội;*
- *VKSND huyện Thanh Trì;*
- *Chị cục THA huyện Thanh Trì;*
- *đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*

Đỗ Văn Nghiêm